

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/HS-ST

Ngày 23/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trần Minh Nhựt**

2/ Ông **Nguyễn Thành Thái**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Kiều Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*
Ông **Nguyễn Hoài Khanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 64/2024/HS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

T; sinh ngày 01/01/1982 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: 901/3 ấp TP, xã TP, huyện LV, tỉnh ĐT. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc T – 1948 và bà Võ Thị C – 1947 (chết); Vợ Thạch Thị T (đã ly hôn); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà **N**, sinh năm 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Bình Tân, xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Người làm chứng: Chị **Đ**. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T là tài xế xe ô tô tải do bà N – chủ vừa cá Diêu Hồng tại ấp Bình Tân, xã Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp thuê để vận chuyển cá diêu hồng từ tỉnh Đồng Tháp xuống Công ty TNHH Thủy sản NVD tại ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Ngày 16/01/2024 bà Nguyễn giao cho Tranh điều khiển xe ô tô tải chở cá giao cho Công ty TNHH Thủy sản NVD, đồng thời kêu Tranh gặp chị Đ là kế toán Công ty TNHH Thủy sản NVD nhận tiền bán cá của ngày 16/01/2024 và 05 hóa đơn đã giao cá cho Công ty TNHH Thủy sản NVD trước đó với tổng số tiền là 216.524.900 đồng (Hai trăm mười sáu triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm đồng) mang về cho bà N. Sau khi nhận được số tiền 216.524.900 đồng từ chị Đ thì T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này. T điều khiển xe ô tô tải chạy đến khu vực huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ thì bỏ xe lại và tắt điện thoại, sau đó Tranh lấy toàn bộ số tiền 216.524.900 đồng (Hai trăm mười sáu triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm đồng) bỏ trốn nhiều nơi rồi sang Campuchia tham gia đánh bạc và tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 03/4/2024 T trở về địa phương thì bị Công an mời về làm việc. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo T có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng trong vụ án:

- Tiền Việt Nam 216.524.900 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà N yêu cầu T phải hoàn trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của chị là 216.524.900 đồng (Hai trăm mười sáu triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm đồng).

Tại bản cáo trạng số: 74/CT-VKS-CT ngày 08/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo T về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo T phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, xử buộc bị cáo phải trả lại cho bà N số tiền

216.524.900 đồng. Đối với việc thoả thuận dân sự là trừ lương của bị cáo mà bị hại chưa trả cho bị cáo và xe của bị cáo để lại nhà bị hại thì đề nghị HĐXX không xem xét vì vấn đề này sẽ được thực hiện ở giai đoạn thi hành án.

Bị cáo và bị hại không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vào ngày 16/01/2024 bị cáo T được bà N thuê vận chuyển cá điêu hồng từ tỉnh Đồng Tháp xuống giao hàng cho Công ty TNHH Thủy sản NVD tại ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, và được bà Nguyễn kêu bị cáo gặp chị Đ là kế toán công ty NVD nhận số tiền 216.524.900 đồng mang về cho bà N nhưng sau khi nhận được số tiền 216.524.900 đồng từ chị Đ thì bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này đi đánh bạc và tiêu xài cá nhân hết. Đối chiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự thì “*Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm*”.

Như vậy, hành vi của bị cáo lợi dụng lòng tin của bà N đã nhiều lần giao cho bị cáo lấy tiền bán cá mang về cho bà thì bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền là 216.524.900 đồng rồi bỏ trốn và sử dụng tiền để dùng vào việc đánh bạc ở Campuchia. Như vậy, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” như đã viện dẫn như trên. Do đó, cáo trạng đã truy tố bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật

[3] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được việc lợi dụng lòng tin để

chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi trái pháp luật. Mặc dù nhận thức được hậu quả gây ra sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự thế nhưng trong quá trình được bà N tin tưởng nhờ nhận tiền bán cá mang về thì sau khi nhận được tiền bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 216.524.900 đồng để tiêu xài cá nhân và đánh bạc, mặc dù bị cáo đã có việc làm cố định tại công ty của người bị hại nhưng bị cáo lười lao động muốn hưởng thụ tài sản của người khác một cách dễ dàng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ảnh hưởng đến đời sống vật chất của người bị hại, gây mất lòng tin cho nhân dân, làm mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. HĐXX nghị án thảo luận cần có mức án tương xứng và cần tách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời cũng nhằm phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo tốt không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu. Đồng thời mặc dù trong hồ sơ không thể hiện việc bị cáo ra đầu thú nhưng bị xác định rằng sau khi trở về địa phương thì bị cáo đến Công an xã đầu thú và xem xét theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo thì HĐXX thống nhất áp dụng tình tiết giảm nhẹ “đầu thú” cho bị cáo. Do đó cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo để cân nhắc hình phạt khi lượng hình là phù hợp.

[7] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và truy tố bị hại bà N có yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 216.524.900 đồng, bị cáo chưa thực hiện bồi thường được khoản tiền nào nên HĐXX xem xét buộc bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 216.524.900 đồng cho người bị hại là phù hợp với quy định tại Điều 585, 589 Bộ luật dân sự.

[9] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Không có nên HĐXX không xem xét.

[10] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo T phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo **T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/5/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự

Xử buộc bị cáo T trả lại cho người bị hại bà N số tiền là 216.524.900đ (Hai trăm mười sáu triệu, năm trăm hai mươi bốn ngàn, chín trăm đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc bị cáo T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và $(216.524.900 \text{ đồng} \times 5\%) = 5.413.123 \text{ đồng}$ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Danh Phạm Ngọc Khánh